

Phụ lục 02

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-ĐHTTr-HĐT ngày / /2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào)

1. Tổng số vị trí việc làm (viết tắt là VTVL): 59 vị trí, trong đó:

- Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý: 09 vị trí (từ mã TQU-LĐ.01.01 đến TQU-LĐ.09.09)
- Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành: 07 vị trí (từ mã TQU-GV.01.10 đến TQU-GV.06.16)
- Nhóm VTVL viên chức chuyên môn dùng chung: 39 vị trí (từ mã TQU-CM.01.17 đến TQU-CM.39.55)
- Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí (từ mã TQU-NV.01.56 đến TQU-NV.04.59)

2. Sắp xếp theo thứ tự như sau:

Stt	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động cần thiết
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		45	45
1	Chủ tịch Hội đồng trường	TQU-LĐ.01.01	1	1
2	Hiệu trưởng	TQU-LĐ.02.02	1	1
3	Phó Hiệu trưởng	TQU-LĐ.03.03	3	3
4	Trưởng khoa	TQU-LĐ.04.04	6	6
5	Trưởng phòng	TQU-LĐ.05.05	6	6
6	Giám đốc trung tâm	TQU-LĐ.06.06	3	3
7	Phó Trưởng khoa	TQU-LĐ.07.07	12	12
8	Phó Trưởng phòng	TQU-LĐ.08.08	7	7
9	Phó Giám đốc trung tâm	TQU-LĐ.09.09	6	6
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		126	174
1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	TQU-GV.01.10	1	3
2	Giảng viên chính (hạng II)	TQU-GV.02.11	59	62
3	Giảng viên (hạng III)	TQU-GV.03.12	61 (đến năm 2026 tinh giản 05 người)	98
4	Giảng viên thực hành chính (hạng II)	TQU-GV.04.13	1	1
5	Giảng viên thực hành (hạng III)	TQU-GV.05.14	2	6

6	Trợ giảng (hạng III)	TQU-GV.06.15	2	4
7	Trợ lý giáo vụ khoa	TQU-GV.06.16	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		48	48
1	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đào tạo	TQU-CM.01.17	2	2
2	Chuyên viên về quản lý hoạt động đào tạo	TQU-CM.02.18	2	2
3	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng giáo dục	TQU-CM.03.19	2	2
4	Chuyên viên về quản lý chất lượng giáo dục	TQU-CM.04.20	3	3
5	Chuyên viên chính quản lý HSSV, công tác chính trị tư tưởng	TQU-CM.05.21	2	2
6	Chuyên viên quản lý HSSV, công tác chính trị tư tưởng	TQU-CM.06.22	4	4
7	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	TQU-CM.07.23	1	1
8	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	TQU-CM.08.24	1	1
9	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	TQU-CM.09.25	1	1
10	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	TQU-CM.10.26	2	2
11	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	TQU-CM.11.27	1	1
12	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	TQU-CM.12.28	1	1
13	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	TQU-CM.13.29	1	1
14	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	TQU-CM.14.30		
15	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	TQU-CM.15.31	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
16	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	TQU-CM.16.32	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
17	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	TQU-CM.17.33	1	1
18	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	TQU-CM.18.34		
19	Chuyên viên chính về tổng hợp	TQU-CM.19.35	1	1
20	Chuyên viên về tổng hợp	TQU-CM.20.36	1	1
21	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	TQU-CM.21.37	2	2
22	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	TQU-CM.22.38	1	1
23	Chuyên viên về tài chính	TQU-CM.23.39	1	1

24	Chuyên viên về pháp chế	TQU-CM.24.40	1	1
25	Chuyên viên về truyền thông	TQU-CM.25.41	1	1
26	Kỹ sư chính	TQU-CM.26.42	1	1
27	Kỹ sư	TQU-CM.27.43	2	2
28	Nghiên cứu viên chính	TQU-CM.28.44	1	1
29	Nghiên cứu viên	TQU-CM.29.45	4	4
30	Dược sĩ	TQU-CM.30.46	1	1
31	Thư viện viên chính	TQU-CM.31.47	1	1
32	Thư viện viên	TQU-CM.32.48	1	1
33	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	TQU-CM.33.49	1	1
34	Kế toán viên chính	TQU-CM.34.50		
35	Kế toán viên	TQU-CM.35.51	2	2
36	Văn thư viên trung cấp	TQU-CM.36.52	1	1
37	Lưu trữ viên trung cấp	TQU-CM.37.53	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
38	Y tế trường học	TQU-CM.38.54	1	1
39	Cán sự thủ quỹ	TQU-CM.39.55	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		18	42
1	Nhân viên lái xe	TQU-NV.01.56	3	3
2	Nhân viên phục vụ	TQU-NV.02.57	4	9
3	Nhân viên bảo vệ	TQU-NV.03.58	6	6
4	Nhân viên kỹ thuật	TQU-NV.04.59	5	24
Tổng cộng			237	309